

Số: 020626 /QĐ-XT

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc tự công bố năng lực hoạt động thử nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ các Dự án tại TP. Hải Phòng

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần XTEST Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 010226 / QĐ-XT ngày 02/06/2026 của Công ty Cổ phần XTEST Việt Nam về việc thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ các dự án tại TP. Hải Phòng;
- Căn cứ nhu cầu thực hiện công tác thí nghiệm phục vụ các dự án tại TP. Hải Phòng;
- Theo kế hoạch kinh doanh của công ty.

## QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

**Điều I: Tự công bố năng lực hoạt động thử nghiệm chuyên ngành xây dựng** cho Trạm thí nghiệm hiện trường của Trung tâm thử nghiệm XTEST Hà Nội thuộc Công ty Cổ phần XTEST Việt Nam (MST: 0107604766; Trụ sở chính tại: Số 98 Khuất Duy Tiến, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội) phục vụ các dự án tại TP. Hải Phòng.

1. Tên trạm: **Trạm thí nghiệm hiện trường – Hải Phòng.**
2. Địa điểm đặt phòng: Số nhà 318, TDP Lê Lác 1, Hồng An, thành phố Hải Phòng.
3. Thời gian hoạt động:
4. Từ ngày 02 / 06 / 2026 đến khi hoàn thành công tác.
5. Các phép thử nghiệm ở trạm thí nghiệm hiện trường theo danh sách kèm theo quyết định này. ( tại Phụ lục 01)
6. Danh sách nhân sự phục vụ trạm thí nghiệm hiện trường theo danh sách kèm theo quyết định này. (tại Phụ lục 02)
7. Thiết bị: máy nén bê tông, máy kéo uốn thép, máy thử thấm, dụng cụ thử nghiệm xi măng, cát, đá, , máy mài mòn CBR, máy trộn... ( Có danh mục máy móc và giấy chứng nhận hiệu chuẩn tại chỗ đính kèm tại Phụ lục 03)



**Phụ lục 01**

**DANH MỤC CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT  
TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY  
DỰNG**

*(Kèm theo quyết định số: 020626/QĐ-XT ngày 02/06/2026 của Công ty cổ phần XTEST  
Việt Nam)*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
<b>I.</b>	<b>Xi măng, vật liệu mịn</b>	
1.	Xác định độ mịn; khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2.	Xác định độ bền uốn; nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109/C109M-21
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; thời gian đông kết; tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
<b>II.</b>	<b>Cốt liệu cho bê tông, vữa và đá gốc</b>	
4.	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
5.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
6.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích; độ hút nước đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
8.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006
10.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
12.	Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006.
13.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
14.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006

15.	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006
		ASTM C142/C142M-17(AASHTO T112)
16.	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 $\mu$ m	TCVN 9205:2012
		ASTM C117-17
<b>III.</b>	<b>Bê tông và hỗn hợp bê tông</b>	
18.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
19.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
20.	Xác định độ tách nước; tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
21.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022
22.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
		ASTM C39/39M-23
<b>IV.</b>	<b>Vữa xây dựng</b>	
23.	Độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
24.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
25.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
		TCVN 9204:12
		ASTM C109/C109M-21
<b>V.</b>	<b>Thử nghiệm gạch</b>	
26.	Gạch bê tông: Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ bền nén; độ rỗng; độ hút nước; độ thấm nước	TCVN 6477:2016
27.	Gạch bê tông tự chèn: Kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước	TCVN 6476:1999
28.	Gạch Terazzo: kiểm tra ngoại quan và sai lệch kích thước, xác định độ hút nước, độ bền uốn.	TCVN 7744:2013
29.	Gạch đất sét nung: kiểm tra hình dáng; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ uốn; Xác định độ	TCVN 6355-1:2009

	hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi; Xác định sự thoát muối	
<b>VI.</b>	<b>Vật liệu kim loại, mối hàn</b>	
30.	Xác định dung sai kích thước, khối lượng	TCVN 7571:2019
		TCVN 7937-1: 2013
		JIS G 3192:21
		ASTM A53/53M-22
		ASTM A500/A500M-23
		EN 10255:04
		JIS G 3466:21
		JIS G 3302:2019
31.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
		ISO 6892-1:2009
		ISO 6892-2:2018
		TCVN 7937-1,2,3:2013
		ASTM A370-23
32.	Thử uốn	TCVN 198:2008
		ISO 7438:2020
		ASTM A370-23
		JIS Z2248-2018
33.	Ống kim loại – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
		ISO 8492:2013
		ASTM A53/53M-22
		JIS G 3452:2019
		JIS G 3444:2021
		ASTM A500/A500M-23
34.	Thử cắt mối hàn chữ thập của lưới hàn	TCVN 9391:2012

<b>VII.</b>	<b>Bu lông, vít, vít cấy, đai ốc, thép thanh, neo thép</b>	
35.	Đo kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 10865:2015
		TCVN 4795:1989
		TCVN 4796:1989
36.	Thử kéo, thử tải bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-23
		ASTM F606/F606M-25a
		ASTM E488/E488M-22
		ISO 898-1:2013
37.	Thử nghiệm khả năng chịu nhỏ của bu lông, thép cây khoan cây, bu lông neo...	ASTM E1512-01 (2023)
		BS 8539:2012+A1:2021
<b>VIII.</b>	<b>Lớp phủ, lớp mạ, lớp sơn</b>	
38.	Đo chiều dày, bám dính lớp phủ	TCVN 9406:2012
		TCVN 9760:2013
		TCVN 5408:2007
		ASTM D4145-10(2022)
		ASTM E376-19
		JIS H0401:2021
<b>IX.</b>	<b>Cơ lý đất, cát, đất gia cố chất kết dính trong phòng thí nghiệm</b>	
39.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
		AASHTO T193-13
		AASHTO T99-22
		AASHTO T180-22
		TCVN 12790:2020
		22 TCN 333-2006
		ASTM D698-12 (2021)

		ASTM D1557-12 (2021)
		BS 1377-2-1990
40.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
		ASTM D2216-19
		ASTM D4959-16
		AASHTO T265-15
41.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
		ASTM D4318-17el
		AASHTO T89
		AASHTO T90
42.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
		ASTM D422-63(07)
		ASTM D1140-17
		AASHTO T88-13
		BS 1377-2-1990
43.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:2006
		AASHTO T193-13
		TCVN 12792:2020
		ASTM D1883-21
		EN 13286-2003
		BS 1377-2:2022
44.	Xác định độ trương nở của đất	TCVN 8719:2012
		AASHTO T258
<b>X.</b>	<b>Bó vỉa bê tông</b>	
45.	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015

VIỆN QUỐC GIA CHUẨN CHỈ SỐ VÀ KỸ THUẬT

XI.	Thử nghiệm tại hiện trường	
46.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346-06
		TCVN 8729-2012
		TCVN 8728-2012
		TCVN 8859 : 2023
47.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8730-2012
		TCVN 8729-2012
		TCVN 8728-2012
		TCVN 12792:2020

\_\_\_\_\_ Hết \_\_\_\_\_

760  
 TG  
 PH  
 ES  
 NA  
 5

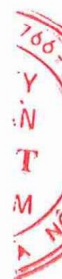
**Phụ Lục 02**

**DANH SÁCH NHÂN SỰ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG – HẢI PHÒNG**

*(Kèm theo quyết định số: 020626/QĐ-XT ngày 02/06/2026 của Công ty cổ phần XTEST Việt Nam)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chứng chỉ</b>	<b>Chức vụ</b>
1.	Cao Hoàng Anh	Bằng đại học Chứng chỉ QLPTN	Trưởng phòng TN Xây dựng Quản lý trạm thí nghiệm
2.	Nguyễn Văn Long	Chứng chỉ thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
3.	Phí Đình Định	Chứng chỉ thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
4.	Bùi Trung Nguyên	Chứng chỉ thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên

\_\_\_\_\_Hết\_\_\_\_\_



**Phụ Lục 03**

**DANH SÁCH THIẾT BỊ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG – HẢI PHÒNG**

(Kèm theo quyết định số: 020626/QĐ-XT ngày 02/06/2026 của Công ty cổ phần XTEST Việt Nam)

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất Xứ	Ghi chú
1.	Máy kiểm tra đa năng dùng thủy lực (thiết bị PTN) – WE 1000B	1 cái	Trung Quốc	
2.	Bộ gá kéo bu lông (KM)	1 bộ	Trung Quốc	
3.	Máy thí nghiệm kiểm tra độ bền nén của bê tông TYA 2000	1 cái	Trung Quốc	
4.	Tủ sấy 101-3	1 cái	Trung Quốc	
5.	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm	1 bộ	Trung Quốc	
6.	Cân điện tử HAW 6kg	1 cái	Trung Quốc	
7.	Cân điện tử ALC 30kg	1 cái	Trung Quốc	
8.	Bể ổn nhiệt	1 cái	Trung Quốc	
9.	Máy kiểm tra độ thấm nước của bê tông	1 cái	Trung Quốc	
10.	Máy trộn vữa thí nghiệm JJ-5	1 cái	Trung Quốc	
11.	Bình tỷ trọng xi măng 250ml	1 cái	Việt Nam	
12.	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	1 cái	Việt Nam	
13.	Bộ phễu xác định độ xốp cát + đá	1 cái	Việt Nam	
14.	Khuôn đúc mẫu vữa bằng nhựa	2 cái	Việt Nam	
15.	Các dụng cụ khác			
16.	...			